

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 4 - 2023
“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bạ.
2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1121/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 21/02/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khối A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/02/2023).

*** Bị đơn:** Ông Bùi Minh H – sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khối A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Tôi và ông Bùi Minh H đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do chồng nát ruột, bất đồng về quan điểm sống. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng, nếu có tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên nguyện vọng của tôi xin được ly hôn với ông Bùi Minh H.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông Bùi Minh H trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng ông Bùi Minh H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương:

Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Minh H hiện đang sinh sống tại khối A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Minh H có xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ nên không cung cấp. Nay bà H làm đơn xin ly hôn ông H thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung chung: Địa phương không nắm rõ nên không cung cấp.

4. Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 10/5/2012 tại Ủy ban Nhân dân phường T, thành phố B, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm. Nay bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông H là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Bùi Minh H, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Bùi Minh H vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Minh H là phù hợp theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Minh H đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/5/2012, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, nên giữa bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Minh H xảy ra mâu thuẫn. Bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Bùi Minh H.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Minh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Bùi Minh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Bùi Minh H.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Nguyễn Thanh T đã nộp thay Nguyễn Thị H tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0022918 ngày 14 tháng 12 năm 2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND P. T, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trương Thị Đông